





**BÁO CÁO NGÀNH ĐÁ XÂY DỰNG**




<b>I. Tổng quan về đá xây dựng.....</b>	<b>2</b>
1. Các loại đá xây dựng phổ biến và ứng dụng.....	2
2. Trữ lượng đá xây dựng.....	3
3. Phân bố các mỏ đá xây dựng.....	4
4. Diễn biến giá đá xây dựng.....	5
5. Quy trình khai thác mỏ đá xây dựng.....	7
6. Các loại chi phí và thuế liên quan khi khai thác đá xây dựng.....	8
<b>II. Triển vọng đá xây dựng.....</b>	<b>8</b>
<b>III. Một số doanh nghiệp khai thác đá xây dựng niêm yết trên sàn.....</b>	<b>10</b>
<b>IV. Phụ lục.....</b>	<b>13</b>

**I. Tổng quan về đá xây dựng**

Đá xây dựng là các loại đá tự nhiên thuộc danh mục khoáng sản làm vật liệu xây dựng không thể thiếu hiện nay. Chúng được gia công đập nghiền, phân loại hoặc đẽo, cắt, gọt theo kích thước để làm cốt liệu bê tông, kê bờ, xây móng, xây tường... Với sự phát triển nhanh chóng, đá xây dựng hiện đang được khai thác và chế biến thành nhiều loại khác nhau, phục vụ cho ngành xây dựng trong bối cảnh nhu cầu nhà ở, khu đô thị, các công trình hạ tầng, đầu tư ngày một tăng cao.

**1. Các loại đá xây dựng phổ biến và ứng dụng**

	<p>Đá 1×2 (10mm x 28mm, 10mm x 25mm và 10mm x 22mm) được tách ra từ loại đá đen và đá xanh. Ứng dụng chính: vật liệu trộn bê tông công trình cầu đường, nhà cao tầng...</p>
	<p>Đá 3×4 (30mm x 40mm) có kích thước lớn hơn đá xây dựng 1×2 nên tải trọng chịu lực tốt hơn. Do đó, loại đá này là vật liệu đổ bê tông của công trình xây dựng dân dụng.</p>
	<p>Đá 4×6 (40mm x 60mm hoặc 40mm x 70mm) được sử dụng làm lớp lót gạch sàn và phụ gia sản xuất nhiều loại vật liệu xây dựng.</p>
	<p>Đá 5×7 (50mmx70mm) thường được sử dụng trong việc hỗ trợ quá trình tạo ra bê tông. Đặc biệt hơn là nó còn được lựa chọn trong những công trình giao thông hoặc đòi hỏi yêu cầu cao về độ bền vững.</p>

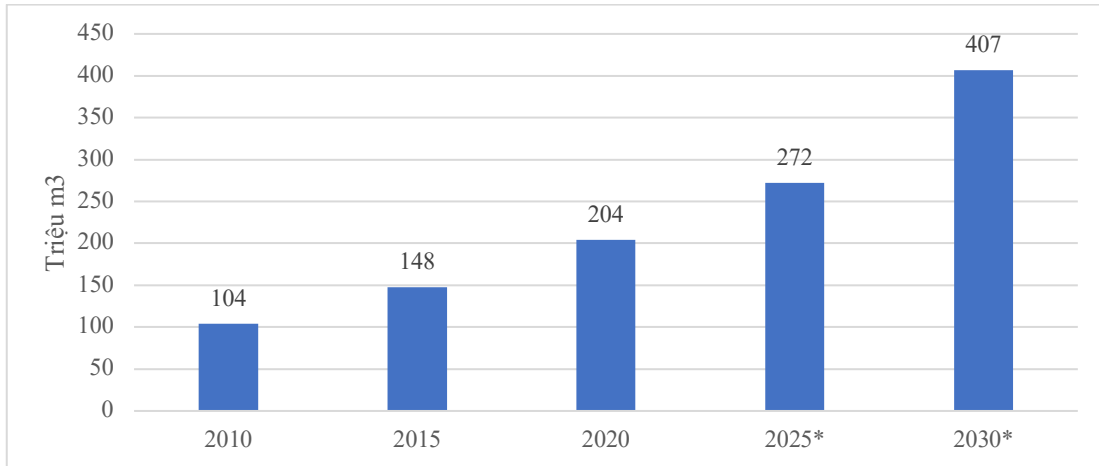
	<p>Đá 0x4 thường thấy ở công trình cầu đường, quốc lộ cần vá, lấp, sửa chữa.</p>
	<p>Đá mịn hay còn gọi là đá mịn, kích thước nhỏ chỉ khoảng 5mm. Cũng giống như đá 4x6, đá mịn làm chèn đế của gạch lát sàn, công trình giao thông.</p>
	<p>Đá mịn sàng có kích thước 5mm - 10mm, là loại đá khai thác trực tiếp từ mỏ đá hoặc quá trình xay nghiền tảng đá lớn sàng lọc từ các loại đá 1x2, 2x3, và 4x6... Đá mịn sàng dùng để làm phụ gia sản xuất bê tông và vật liệu xây dựng, công trình giao thông. Ví dụ như: rải nền đường, thành phần bê tông nhựa nguội, nhựa nóng, san lấp mặt bằng công trình, chống sụt lún....</p>

*Nguồn: Kirin Capital tổng hợp*

## 2. Trữ lượng đá xây dựng

Đá xây dựng là tài nguyên khoáng sản phân bố hầu hết ở các vùng, đủ khả năng khai thác phục vụ cho nhu cầu xây dựng ở trong nước trong thời gian dài. Theo thăm dò và khảo sát của tổng cục địa chất và khoáng sản Việt Nam ước lượng tài nguyên đá xây dựng khoảng 53 tỷ m<sup>3</sup>. Ngoài ra, sản lượng khai thác đá xây dựng liên tục tăng qua các năm nhằm đáp ứng nhu cầu xây dựng cơ sở hạ tầng cũng như nhu cầu đô thị hóa mạnh mẽ. Cụ thể, theo thống kê của Vụ Vật liệu xây dựng, Bộ Xây dựng, sản lượng đá tiêu thụ năm 2010 vào khoảng 104 triệu m<sup>3</sup> thì năm 2020 sản lượng này là hơn 204 triệu m<sup>3</sup>.

**Sản lượng khai thác đá xây dựng**

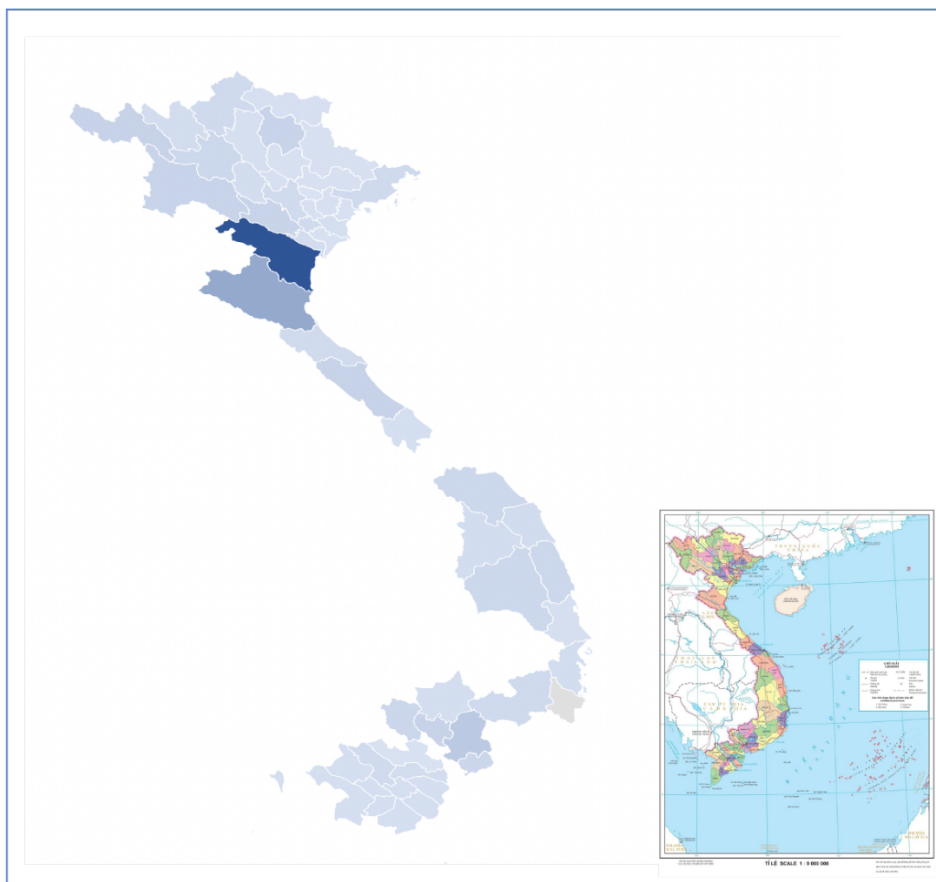


*Nguồn: Vụ vật liệu xây dựng, Quy hoạch tổng thể phát triển VLXD đến năm 2030*

\*: sản lượng dự báo theo chiến lược phát triển VLXD thời kì 2021 – 2023

**3. Phân bố các mỏ đá xây dựng**

**Biểu đồ thể hiện sự phân bố các mỏ đá xây dựng**



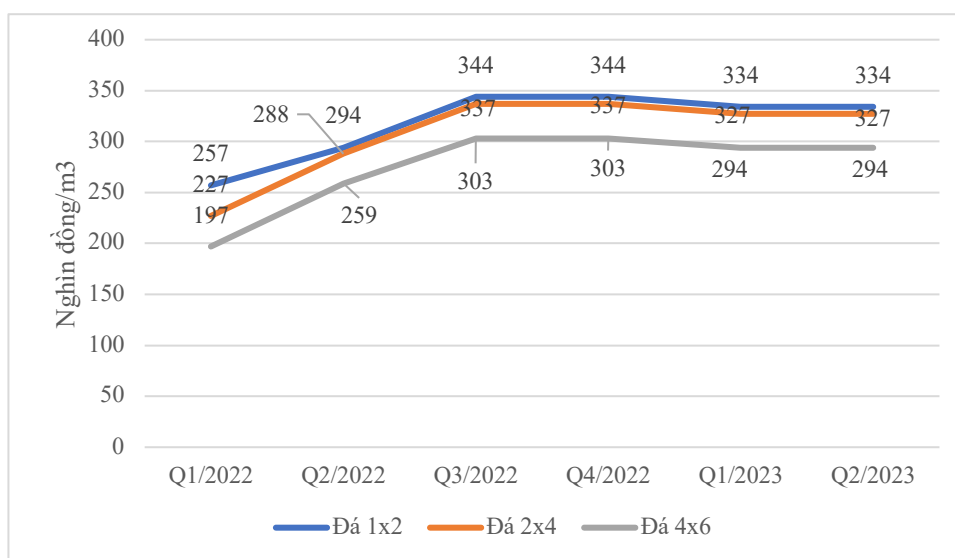
*Nguồn: Sở TN và MT các tỉnh, Kirin Capital tổng hợp*

Theo thăm dò và khảo sát của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản, tài nguyên đá xây dựng phân bố trải dài khắp cả nước. Trong đó, các mỏ đá xây dựng được tìm thấy và khai thác nhiều nhất ở Thanh Hóa với trữ lượng 652 triệu m<sup>3</sup>, tiếp theo là Đồng Nai với trữ lượng 384 triệu m<sup>3</sup>. Bên cạnh đó một số tỉnh phân bố đều tại 3 vùng cũng có sản lượng lớn được tìm thấy và được khai thác nhiều như Đông Bắc Bộ ( Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình), Trung Bộ (Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Nam, Bình Định) và Nam Bộ (Gia Lai, Đắk Lắk, Bình Dương).

**4. Diễn biến giá đá xây dựng**

Theo số liệu của Cục Kinh tế xây dựng, Bộ Xây dựng, giá đá xây dựng có xu hướng tăng nhẹ và giữ ở mức ổn định qua từng quý. Cụ thể, giá đá xây dựng trong quý 1/2023 tăng 2,7% so với cuối năm 2022 và giá bán quý 2/2023 tăng 2,7% so với quý đầu năm. Giá đá xây dựng ở Nam Bộ luôn cao nhất cả nước.

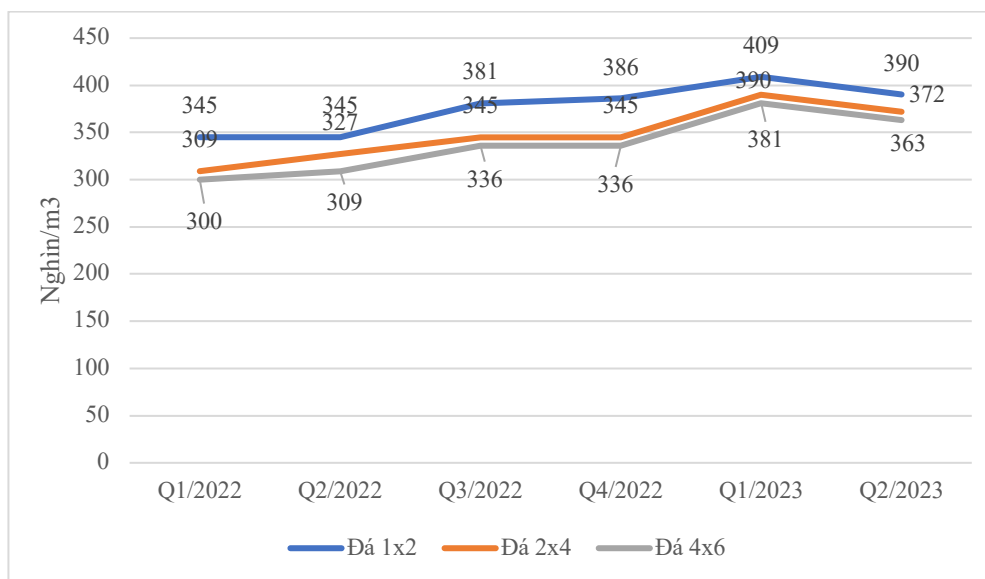
**Diễn biến giá đá xây dựng khu vực Bắc Bộ**



*Nguồn: Sở Xây dựng các tỉnh Bắc Bộ*

Giá đá xây dựng ở Bắc Bộ ổn định trong 2 quý đầu năm 2023 nhưng vẫn ở mặt bằng cao so với cùng kì (vẫn tăng gần 50% ở hầu hết các sản phẩm đá so với cùng kì).

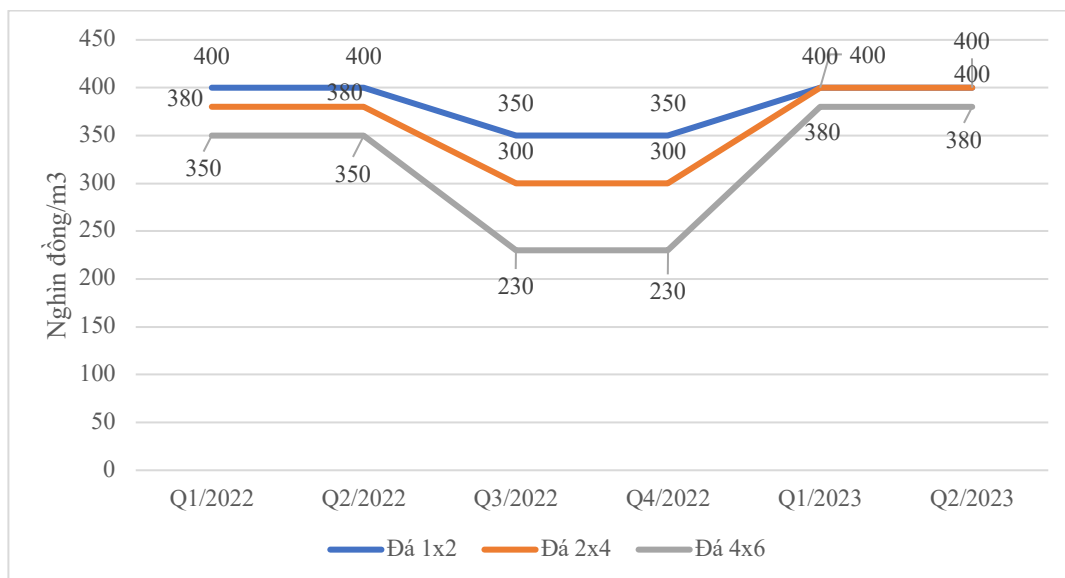
**Diễn biến giá đá xây dựng khu vực Trung Bộ**



*Nguồn: Sở Xây dựng các tỉnh Trung Bộ*

Giá đá xây dựng ở Trung Bộ liên tục tăng từ năm 2022 cho tới nay. Mặt bằng giá trong quý 2 tăng 17% so với cùng kì. Nguyên nhân tăng giá là do nhu cầu đá từ các dự án thành phần “ Cao tốc Bắc Nam” triển khai từ cuối năm 2020 và đặc biệt là sự quyết liệt triển khai các dự án hạ tầng – đầu tư công của Chính Phủ từ đầu năm 2023.

**Diễn biến giá đá xây dựng khu vực Nam Bộ**



*Nguồn: Sở Xây dựng các tỉnh Nam Bộ*

Giá đá xây dựng ở Nam Bộ luôn cao nhất cả nước do nguồn cung hạn chế (hầu hết các mỏ đá tại Đồng Nai và Bình Dương phục vụ cho tất cả các dự án hạ tầng tại Nam Bộ).

Theo Bộ Xây dựng dự báo, giá đá xây dựng sẽ tiếp tục tăng trong thời gian tới do nhu cầu lớn từ các dự án giao thông trọng điểm được khởi công đồng loạt trên cả nước trong giai đoạn 2023 – 2025, đặc biệt là khu vực Nam Bộ.

### 5. Quy trình khai thác mỏ đá xây dựng

Quy trình khai thác mỏ đá xây dựng sẽ trải qua 2 giai đoạn:

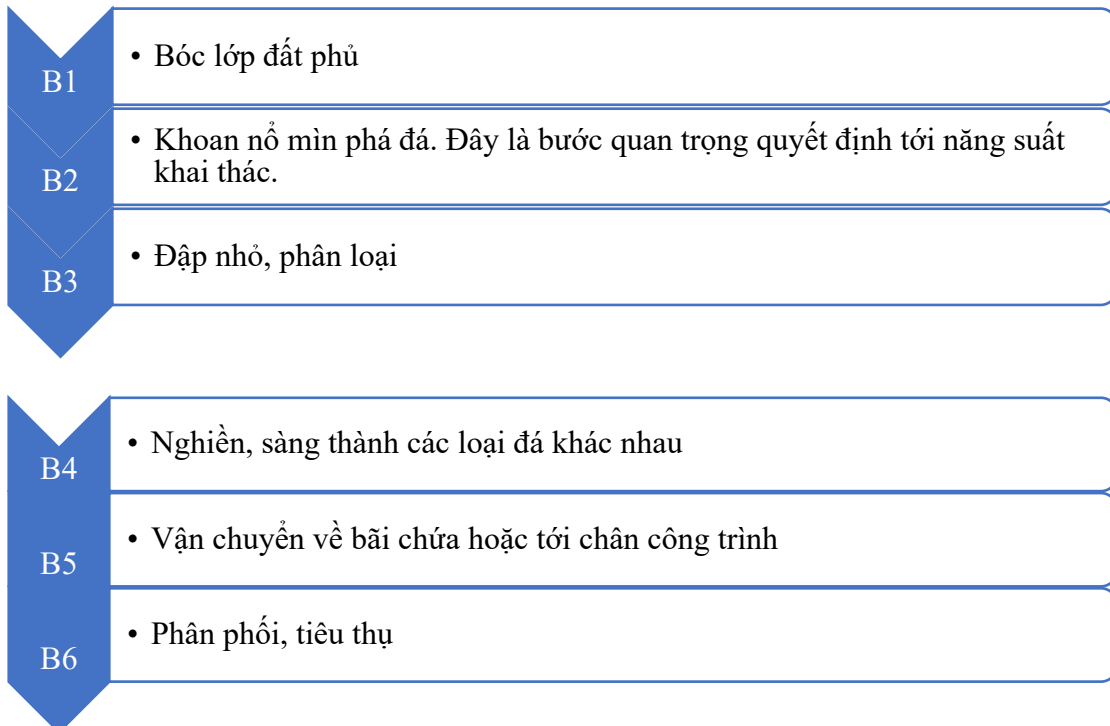
#### Giai đoạn 1:

**Chuẩn bị khai thác.** Đây là giai đoạn tìm kiếm, khảo sát, đánh giá tiềm năng và xin cấp phép khai thác mỏ để chuẩn bị cho việc thi công.

- **Tìm mỏ đá phù hợp với yêu cầu:** Việc tìm kiếm thông qua sự am hiểu về địa lý, tính chất đất đá của từng mỏ, từng khu vực. Cần đến khảo sát thực tế, lấy mẫu phân tích để tìm được mỏ phù hợp.
- **Đánh giá và đưa ra quyết định khai thác:** Sau khi tìm kiếm được mỏ đá phù hợp, các kỹ sư sẽ đánh giá về chất lượng, sản lượng đá có thể khai thác. Sau đó đưa ra quyết định đầu tư hợp lý.
- **Xin cấp phép:** Đây là giai đoạn làm các thủ tục hành chính và tốn kém khá nhiều thời gian.

#### Giai đoạn 2: Tiến hành khai thác

##### Quy trình khai thác đá xây dựng



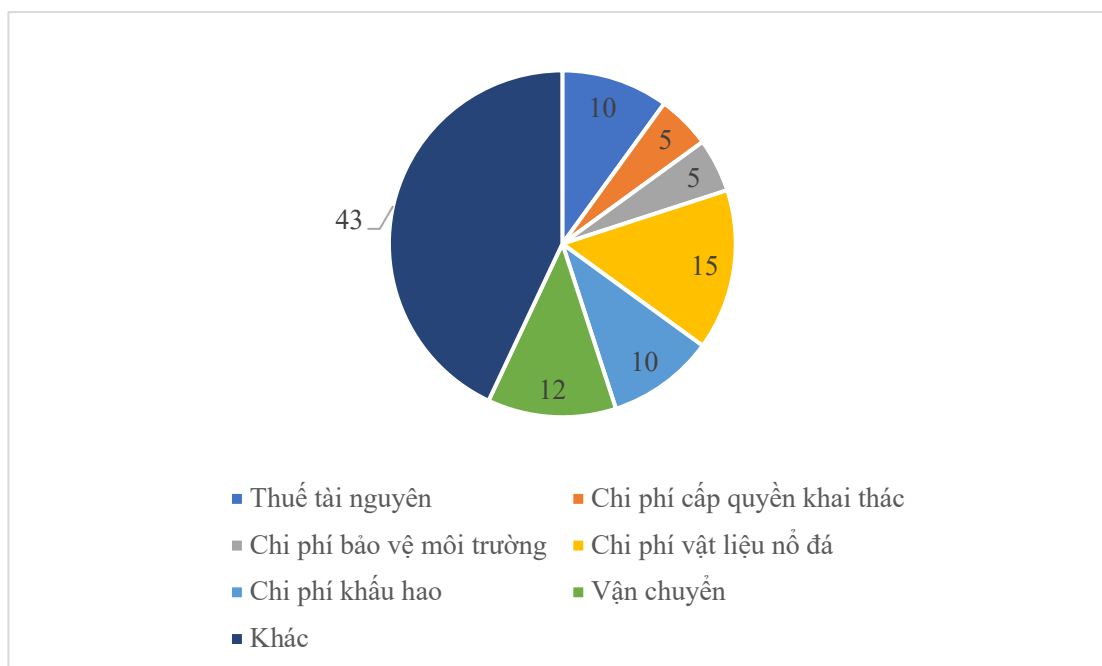
Nguồn: Kirin Capital tổng hợp



## 6. Các loại chi phí và thuế liên quan khi khai thác đá xây dựng

Đá xây dựng là một tài nguyên khoáng sản cần được cấp giấy phép khai thác trước khi khai thác và đưa vào sử dụng. Do đó có một số chi phí đặc thù như chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản, thuế tài nguyên bên cạnh một số chi phí thông thường khác như chi phí khấu hao, nhân công, vận chuyển và đặc biệt là chi phí bảo vệ môi trường sau khi hết thời hạn khai thác. Do đó, các yếu tố quan trọng bao gồm vị trí địa lý, chất lượng đá và thời hạn khai thác là các yếu tố hàng đầu đối quyết định doanh thu và chi phí của doanh nghiệp khai thác.

Các chi phí khai thác đá xây dựng



*Nguồn: Kirin Capital tổng hợp*

## II. Triển vọng đá xây dựng

**Thị công hạ tầng sẽ là động lực tăng trưởng chính:** Nhu cầu đá cho đầu tư công là rất lớn trong khi nguồn cung đá rất hạn chế đặc biệt tại khu vực Đông Nam Bộ (70% nhu cầu đá đến từ xây dựng các công trình hạ tầng). Theo ước tính Bộ GTVT nhu cầu đá 2023-2025 khoảng 21,5 triệu m<sup>3</sup>, sân bay Long Thành GD 1 khoảng 18 triệu m<sup>3</sup>, vành đai 3 khoảng 4,4 triệu m<sup>3</sup>... Các doanh nghiệp khai thác đá khu vực Đông Nam Bộ được hưởng lợi lớn ở khu vực khi đầu tư công dự kiến đẩy mạnh trong 2023-2024 với dự án hạ tầng như 12 dự án thành phần thuộc dự án đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông GD 2021-2025.



**Danh sách các dự án hạ tầng trọng điểm giai đoạn 2023-2025**

STT	Dự án	Tổng Đầu tư ( nghìn tỷ )	Quy mô	Hiện trạng	Nhu cầu M3	Mỏ đá sử dụng
1	Ring road 3	75	73.km	GPMB	4.400.000	Tân Cang, Núi Nửa , Vĩnh Cửu, Bắc Tân Uyên, Phú Giáo
2	Vành đai 4 Tp Hà Nội	86	113	GPMB	7.530.200	Phía Bắc
3	Long Thành Airport 1	114	1.810 ha	Chuẩn bị mặt bằng	17.989.799	Tân Cang, Phước Bình
4	CT Biên Hòa – Vũng Tàu	17.8	57 km	GPMB	756.360	Tân Cang, Núi Nửa
5	CT HCM-Long Thành mở rộng	14.7	22 km	Chờ chấp thuận CTDDT	466.574	Tân Cang
6	CT Dầu Giây – Tân Phú	8.3	60 km	GPMB	792.000	Núi Nửa, Gia Canh
7	CT An Hữu – Cao lãnh	5.5	27 km	GPMB	356.400	ĐBSCL , Vĩnh Cửu , Bắc Tân Uyên

8	CT Khánh Hòa – Buôn Ma Thuật	22	117	GPMB	3.211.000	Các mỏ tại Khánh Hòa, Đắk Lắk
9	CT Châu Đốc – Sóc Trăng – Cần Thơ	44.7	188	Khởi công	4.520.000	Các mỏ tại An Giang, Kiên Giang, Đồng Nai.

*Nguồn: Bộ Giao thông vận tải*

**Đại dự án sân bay Long Thành – động lực tăng trưởng mạnh mẽ đối với doanh nghiệp đá xây dựng:** được xây dựng trên diện tích rất lớn lên đến 5,000ha, kết hợp với kết cấu hạ tầng đặc biệt được ước tính sẽ cần sử dụng đến 22 triệu m<sup>3</sup> đá các loại (xấp xỉ ở mức 42% tổng sản lượng khai thác toàn Nam Bộ năm 2022). Nhu cầu đá cho sân bay cũng chiếm khoảng 59% nhu cầu đá xây dựng các công trình trọng điểm dự kiến triển khai giai đoạn 2024-2030, trong đó, giai đoạn 1 với diện tích 1,810ha, sân bay sẽ tiêu thụ khoảng 18 triệu m<sup>3</sup> đá trong quá trình xây dựng. Ngoài ra, 15 dự án giao thông trọng điểm khác theo kế hoạch cũng sẽ được triển khai trong giai đoạn 2024-2030 bao gồm: Đường vành đai 3, tuyến Metro line tại HCM, 5 tuyến cao tốc tại khu vực Nam Bộ và 8 tuyến cao tốc tại khu vực ĐBSCL. Các dự án này sẽ làm tăng thêm khoảng 7 triệu m<sup>3</sup> đá xây dựng được sử dụng trong giai đoạn này.

### III. Một số doanh nghiệp khai thác đá xây dựng niêm yết trên sàn

Hầu hết các doanh nghiệp khai thác đá xây dựng trên sàn đều tập trung ở khu vực phía Nam trong đó nổi bật là ở Bình Dương và Đồng Nai. Các doanh nghiệp đá xây dựng niêm yết đang trải qua giai đoạn kinh doanh khó khăn do dịch Covid 19. Giai đoạn 2020-2021 ghi nhận doanh thu nhóm này (gồm KSB, VLB, C32, DHA và NNC) giảm lần lượt 5,9%-26,4% so với cùng kỳ; lợi nhuận trước thuế giai đoạn 2021-2022 cũng giảm lần lượt 28,5%-57,4% so với cùng kỳ năm trước. Năm 2022, chỉ tiêu này tăng trưởng trở lại 11,8%, nhưng vẫn thấp hơn đáng kể so với mức doanh thu của năm 2019. Nhóm đá xây dựng sẽ phục hồi kể từ cuối năm 2023 trở đi nhờ triển vọng dài hạn của rất nhiều dự án xây dựng hạ tầng trọng điểm giai đoạn 2023 – 2025.

**KQKD một số doanh nghiệp đá xây dựng trên sàn**

STT	Mã CK	Sàn	Doanh thu 6T 2023 (tỷ đồng)	Tăng trưởng svck (%)	LNST 6T2023	Tăng trưởng svck	(Marcap) T8/2023	EPS (đồng)	P/E cơ bản (X)	Tỷ lệ cổ tức bằng tiền
1	KSB	HOSE	296	-45,7	60	- 39,4	2,266.00	1,350	19.97	
2	VLB	UPCOM	493	-19,6	66	- 8,2	1,830.45	3,440	8.59	20%
3	DHA	HOSE	176	-1,7	51	132	735.57	6,130	8.89	50%
7	C32	HOSE	220	-21,4	3,7	- 74,5	281.06	5,010	14.69	10%
8	NNC	HOSE	75,7	101,9	14,4	89,5	412.10	1,760	14.22	
9	CTI	HOSE	394	-16,9	44,3	- 17,4	841.18	1,270	11.44	

Nguồn: BCTC các công ty, Kirin Capital tổng hợp

**Các mỏ đá của các doanh nghiệp đá xây dựng trên sàn**

	Mỏ đá	Công suất cấp phép/năm (nghìn m3/năm)	Thời hạn khai thác	Địa điểm
KSB	Thiện Tân 7	280	Thg1-34	Vĩnh Cửu, Đồng Nai
	Tân Mỹ	1500	Thg8-29	Bắc Tân Uyên, Bình Dương

VLB	Tân Cang 1	1500	Thg1-38	Biên Hòa, Đồng Nai
	Thiện Tân 2	1500	Thg1-38	Vĩnh Cửu, Đồng Nai
	Thanh phú 1	1800	Thg8-41	Vĩnh Cửu, Đồng Nai
	Soklu 2	400	Thg1-26	Thống Nhất, Đồng Nai
	Soklu 5	500	Thg8-24	Thống Nhất, Đồng Nai
DHA	Tân Cang 3	500	Thg3-24	Biên Hòa, Đồng Nai
	Thanh Phú 2	800	Thg3-27	Vĩnh Cửu, Đồng Nai
	Núi Gió	300	Thg8-25	Hớn Quản, Đồng Nai
CTI	Thiện Tân 10	900	Thg1-35	Vĩnh Cửu, Đồng Nai
	Xuân Hòa	500	Thg1-34	Xuân Lộc, Đồng Nai
NNC	Mũi Tàu	1000	Thg6-41	Đồng Phú, Bình Phước

*Nguồn: BCTN các công ty, Kirin Capital tổng hợp*

Các yếu tố như vị trí địa lý của mỏ đá, thời hạn khai thác và công suất/trữ lượng của mỏ đó là 3 yếu tố quyết định tới vị thế và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp đá xây dựng. Chúng tôi cho rằng:

(1) **VLB** sở hữu 5 mỏ đá với tổng trữ lượng khoảng 94 triệu m<sup>3</sup>, lớn nhất trong các doanh nghiệp đá niêm yết. Với vị trí các mỏ thuận lợi ở Đồng Nai và nhu cầu đá xây dựng rất lớn từ các DA hạ tầng từ năm 2023 như cao tốc Cao Lãnh – An Hữu, Châu Đốc – Cần Thơ – Sóc Trăng, Tp HCM -Mộc Bài, Bến Lức – Long Thành, Dầu Giây – Tân Phú, Biên Hòa – Vũng Tàu, các tuyến kết nối sân bay Long Thành, sân bay Long Thành, đường vành đai 3, kỳ vọng VLB sẽ hưởng lợi theo các dự án đường cao tốc khu vực này.

(2) **KSB** sở hữu 2 mỏ đá Tân Mỹ và Thiện Tân 7 (mỏ Phước Vĩnh mới hết thời hạn khai thác vào quý 1/2023). Đây đều là những mỏ đá có chất lượng tốt, các mỏ đá có vị trí thuận lợi, gần các dự án trọng điểm. Ngoài ra, vị trí các mỏ đá của KSB nằm chủ yếu ở tỉnh Bình Dương rất gần các tuyến đường cao tốc chính như Cao tốc Bắc Nam, Phan Thiết - Dầu Giây... giúp doanh nghiệp được hưởng nhiều lợi thế trong công tác đấu thầu cung cấp vật liệu xây dựng cho các dự án trọng điểm này và các dự án hạ tầng kết nối tuyến cao tốc với các tỉnh lân cận. Vị trí gần giúp KSB giảm được chi phí từ đó gia

tăng biên lợi nhuận và tăng tính cạnh tranh với các nhà cung cấp khác. Ngoài ra, KSB hiện đang thông qua công ty con là CT TNHH Đầu tư KSB (sở hữu 100%) nắm giữ 9,57% cp VLB. Khoản nắm giữ VLB thông qua các khoản ủy thác đầu tư ước tính chiếm tỷ lệ khoảng 40% VLB. Do đó cũng hưởng lợi lớn từ các lợi thế từ VLB.

(3) **DHA** sở hữu 3 mỏ đá có vị trí ở Đồng Nai, Bình Phước với trữ lượng lớn (khoảng 19,5 triệu m<sup>3</sup>) và công suất khai thác được cấp phép chiếm thứ 5 tại khu vực Nam Bộ. Đặc biệt mỏ Tân Cảng 3 của DHA với trữ lượng 9 triệu m<sup>3</sup> đá chi cách sân bay Long Thành 25km, là lợi thế rất lớn cho DHA.

***Chúng tôi cho rằng tiềm năng tăng trưởng của nhóm đá xây dựng là rất khả quan trong giai đoạn tới khi rất nhiều các dự án hạ tầng được triển khai trên khắp cả nước và đặc biệt là khi vực Nam Bộ. Với kế hoạch giải ngân 2023 – 2025 gần 800 nghìn tỷ gấp đôi so với bình quân giai đoạn 2018 – 2022. Do đó, nhu cầu đá xây dựng là rất lớn, các doanh nghiệp với vị thế dẫn đầu như VLB, KSB (trữ lượng khai thác lớn và vị trí thuận lợi) sẽ là những doanh nghiệp được hưởng lợi mạnh mẽ.***

#### **IV. Phụ lục:**

**A.** Chiến lược phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, định hướng đến năm 2050 với nhóm đá xây dựng (*Kèm theo Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ*)

Mục tiêu cụ thể cho từng giai đoạn:

##### 1. Giai đoạn 2021 - 2030

###### a) Về đầu tư

- Đầu tư các dây chuyền khai thác, chế biến đá xây dựng công suất lớn, hiện đại nhằm nâng cao sản lượng, chất lượng sản phẩm, bảo vệ môi trường; phối hợp sản xuất đá xây dựng và cát nghiền; liên kết với các dây chuyền sản xuất bê tông, gạch không nung và các vật liệu xây dựng khác.

- Không đầu tư các dự án sản xuất đá xây dựng ở chân sườn đồi, núi, dọc theo các tuyến đường quốc lộ, các khu vực có ảnh hưởng đến cảnh quan thiên nhiên, các di sản văn hoá, phát triển du lịch, an ninh, quốc phòng.

- Sắp xếp lại các cơ sở khai thác, chế biến đá xây dựng có quy mô nhỏ. Nâng cấp, hiện đại hóa công nghệ chế biến đá xây dựng đối với các cơ sở sản xuất cũ; dừng sản xuất đối với các cơ sở sản xuất nhỏ, công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường.

###### b) Về công nghệ

- Sử dụng dây chuyền công nghệ sản xuất đá xây dựng hiện đại, tiên tiến, đồng bộ, mức độ cơ giới hóa, tự động hóa cao, giảm tiêu hao năng lượng, giảm thiểu phát thải bụi và tiếng ồn trong sản xuất. Kết hợp công nghệ sản xuất đá xây dựng với sản xuất cát nghiền.

- Nâng cấp, cải tiến thiết bị, công nghệ chế biến đá xây dựng đối với các cơ sở sản xuất có công nghệ lạc hậu theo hướng tiên tiến, hiện đại.

- Nâng cao tỷ lệ nội địa hóa trong chế tạo các thiết bị, phụ tùng thay thế trong dây chuyền công nghệ khai thác và chế biến đá xây dựng.

c) Về khai thác và sử dụng tài nguyên:

- Hoạt động khai thác, chế biến đá xây dựng theo các giấy phép được cấp và tuân thủ các quy định pháp luật.

- Sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, nhiên liệu và năng lượng; sử dụng các loại phế thải công nghiệp, xây dựng, giao thông trong quá trình sản xuất đá xây dựng.

d) Về bảo vệ môi trường

- Các cơ sở sản xuất đá xây dựng đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về bảo vệ môi trường; phải tiến hành cải tạo phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật trong khai thác, chế biến khoáng sản.

- Các cơ sở sản xuất đá xây dựng phải có hệ thống thiết bị quan trắc tự động bụi xung quanh diện phát thải.

đ) Về sản phẩm

- Tăng cường sản xuất các sản phẩm đá xây dựng bảo đảm các yêu cầu của quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành đối với từng mục đích sử dụng, phục vụ nhu cầu xây dựng.

- Tăng cường sử dụng, tận dụng, tái sử dụng phế thải công nghiệp, xây dựng, giao thông làm cốt liệu thay thế một phần đá xây dựng tự nhiên.

2. Giai đoạn 2031 - 2050

- Công nghệ sản xuất đá xây dựng phải hiện đại, tiên tiến, đồng bộ có mức độ cơ giới hoá cao và ứng dụng tối đa tự động hoá. Khai thác đá sử dụng công nghệ hiện đại, đẩy mạnh việc khai thác xuống sâu bằng công nghệ khai thác hầm lò để khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên.

- Các cơ sở khai thác, chế biến đá xây dựng phải có hệ thống quản lý sản lượng mỏ, quan trắc môi trường tự động.

**B. Diễn biến giá đá xây dựng theo khu vực (nghìn đồng/m<sup>3</sup>)**

		Q1/2022	Q2/2022	Q3/2022	Q4/2022	Q1/2023	Q2/2023
Hà Nội và các tỉnh lân cận	Đá 1x2	257	294	344	344	334	334
	Đá 2x4	227	288	337	337	327	327
	Đá 4x6	197	259	303	303	294	294
Tây Bắc Bộ	Đá 1x2	195	185	185	187	210	210
	Đá 2x4	190	185	185	187	210	210
	Đá 4x6	180	160	160	164	170	180
Đông Bắc Bộ	Đá 1x2	220	220	220	220	220	220
	Đá 2x4	210	210	210	210	210	210
	Đá 4x6	175	175	175	175	275	175
Bắc Trung Bộ	Đá 1x2	170	180	185	185	136	136
	Đá 2x4	160	170	175	175	113	113
	Đá 4x6	150	155	160	160	110	110
Trung Bộ	Đá 1x2	345	345	381	386	409	390
	Đá 2x4	309	327	345	345	390	372
	Đá 4x6	300	309	336	336	381	363
Tây Nguyên	Đá 1x2	256	273	273	273	291	291
	Đá 2x4	242	255	255	255	282	282
	Đá 4x6	227	245	245	245	273	273
Nam Bộ	Đá 1x2	400	400	350	350	400	400
	Đá 2x4	380	380	300	300	400	400
	Đá 4x6	350	350	230	230	380	380

*Nguồn: Sở Xây dựng các tỉnh*



**Về Kirin Capital**

Kirin Capital (dưới đây gọi tắt là Kirin) được chuẩn bị và lập kế hoạch vào năm 2021 và chính thức được thành lập vào tháng 10 năm 2022. Kirin là tổ chức đầu tư vốn cổ phần tư nhân bất nguồn và nghiên cứu chuyên sâu tại thị trường Việt Nam với tôn chỉ “Know Vietnam, Long Vietnam”. Là công ty đầu tư vốn cổ phần tư nhân hiểu rõ Việt Nam nhất, dựa trên tầm nhìn “trao quyền cho doanh nhân, đồng hành cùng người thành công”, công ty tìm kiếm các dự án có giá trị đầu tư dài hạn và tăng trưởng cao tại Việt Nam. Từ đó, Kirin tạo cơ hội cho các nhà đầu tư từ khắp nơi trên thế giới đầu tư vào Việt Nam và chia sẻ lợi nhuận từ sự phát triển nhanh chóng mà Việt Nam mang lại.

Nội dung trên chỉ là một phần báo cáo của Nhóm nghiên cứu Kirin Capital. Nếu Quý Nhà đầu tư có bất kỳ nhu cầu hợp tác, nghiên cứu chuyên sâu nào, vui lòng liên hệ:

**Ông Vũ Văn Thức - Chuyên gia tài chính**

+84 936 492 884/0355 514 701

[thucvv@kirincapital.vn](mailto:thucvv@kirincapital.vn)

